

Phụ lục 1

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI
HÀNG HÓA ASEAN – TRUNG QUỐC**

(Kèm theo Tờ trình Chính phủ số /TTr-BTC ngày tháng năm 2022)

1. Đánh giá tổng thể

Theo đánh giá của Bộ Tài chính, Dự thảo Nghị định đã đảm bảo được các yêu cầu sau:

- *Phù hợp với đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, tính hợp hiến, hợp pháp:* Nội dung dự thảo Nghị định phù hợp với đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, trong đó có chính sách phát triển kinh tế - xã hội của Đảng. Việc triển khai xây dựng dự thảo Nghị định ban hành Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định ACFTA là nhằm thúc đẩy phát triển hoạt động thương mại, đầu tư và sản xuất giữa Việt Nam và Trung Quốc.

Nội dung dự thảo Nghị định phù hợp với quy định của Hiến pháp năm 2013 và Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu năm 2016, Luật Hải quan năm 2014.

- *Đảm bảo tính thống nhất trong hệ thống pháp luật:* Nghị định ban hành Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định ACFTA giai đoạn 2022-2027 đã được rà soát, đảm bảo tương thích, đồng bộ với các Luật, Nghị định liên quan như Luật Thương mại, Luật Đầu tư, Luật Quản lý thuế, Nghị định hướng dẫn Luật Đầu tư, Nghị định hướng dẫn Luật Đầu tư, Luật Thương mại.

- *Đảm bảo tính tương thích với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên:* Các nội dung của dự thảo Nghị định đã bảo đảm phù hợp với Hiệp định ACFTA và các điều ước quốc tế liên quan mà Việt Nam là thành viên.

- Việc ban hành Nghị định theo Danh mục hàng hoá xuất nhập khẩu của Việt Nam trong giai đoạn 5 năm sẽ hỗ trợ công tác thống kê hải quan về xuất nhập khẩu, đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất, tạo môi trường kinh doanh minh bạch về thuế suất, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp và cơ quan hải quan trong triển khai thực hiện.

2. Đánh giá tình hình thực thi Hiệp định ACFTA

Nghị định số 153/2017/NĐ-CP ngày 27/12/2017 của Chính phủ quy định mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam theo lộ trình cam kết tại Hiệp định ACFTA, áp dụng cho giai đoạn 2018- 2022. Việc ban hành Nghị định theo đúng lộ trình cam kết cắt giảm thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam theo quy định của Hiệp định và theo Danh mục hàng hoá xuất nhập khẩu của Việt Nam đã góp phần hỗ trợ công tác thống kê hải quan về xuất nhập khẩu, đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất, tạo môi trường kinh doanh minh bạch về thuế suất, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp và cơ quan hải quan trong triển khai thực hiện.

Về kim ngạch nhập khẩu từ thị trường Trung Quốc, thống kê hải quan cho thấy, số liệu nhập khẩu trung bình giai đoạn 2018 - 2021 đạt 118,6 tỷ USD. Theo đó, giá trị nhập năm 2020 tăng từ 116,5 tỷ USD lên 150,7 tỷ USD, đánh dấu mức tăng trưởng 29,3%. Nhập khẩu giai đoạn 2018 - 2021 từ Trung Quốc chiếm trung bình 45% tỷ trọng nhập khẩu thế giới, trong đó tỷ trọng năm 2021 ghi nhận 45.6%, giảm 4% kể từ 2020. Như vậy, mặc dù có sự sụt giảm về tỷ trọng nhập khẩu so với thế giới trong năm 2021, Trung Quốc vẫn là thị trường nhập khẩu lớn nhất của Việt Nam.

Diện mặt hàng nhập khẩu chính từ Trung Quốc (có giá trị từ 1 tỷ USD trở lên): Trong cơ cấu nhập khẩu năm 2021, các mặt hàng nhập khẩu chính từ thị trường Trung Quốc gồm nhóm máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện (7,5 tỷ USD); điện thoại và linh kiện (6,7 tỷ USD), máy móc thiết bị (2,97 tỷ USD), Xăng (khoảng 2 tỷ USD), hạt điều (1,95 tỷ USD),.... Số liệu tham khảo tại Bảng 1.

Bảng 1: Các nhóm hàng nhập khẩu chính từ thị trường Trung Quốc

Nhóm hàng	Giá trị nhập khẩu 2021 (tỷ USD)
Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	7,55
Điện thoại các loại và linh kiện	6,70
Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác	2,97
Điện thoại các loại và linh kiện	2,42
Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	2,23
Xăng dầu các loại	2,01
Hạt điều	1,95
Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác	1,66
Sản phẩm từ chất dẻo	1,59

Về tỷ lệ hàng hóa đủ điều kiện hưởng thuế suất ưu đãi đặc biệt ACFTA (có Giấy chứng nhận xuất xứ C/O mẫu AC), trung bình giai đoạn 2018 - 2021 đạt khoảng 11% tổng kim ngạch từ Trung Quốc và ASEAN (khoảng 13,05 tỷ USD mỗi năm), giảm nhẹ từ 11,8% (năm 2020) xuống 10,2% (năm 2021).

Trong khi đó, tỷ lệ C/O mẫu AC đạt trung bình 19,8% so với tổng kinh ngạch từ Trung Quốc cho cùng giai đoạn, tỷ lệ này tăng từ 16,1% (năm 2018) lên 40,5% (năm 2021). Có thể nhận định tác động từ việc thực hiện ACFTA lên việc tận dụng ưu đãi thuế trong giai đoạn 2018 đến 2021 là rất đáng kể. Tuy nhiên, tỷ lệ hưởng ưu đãi (tỷ lệ C/O mẫu AC) có thể chưa được thống kê đầy đủ do số nợ C/O mẫu AC của doanh nghiệp.

Các nhóm hàng tận dụng được thuế suất ACFTA (có giá trị nhập khẩu trên 50 triệu USD) bao gồm các mặt hàng là máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng, sản phẩm từ sắt thép, máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng, than đá, Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác,....

Bảng 2: Các nhóm hàng tận dụng được thuế suất ACFTA

Nhóm hàng	Giá trị nhập khẩu 2021 hưởng form AC (tỷ USD)
Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác	0,37
Sản phẩm từ sắt thép	0,22
Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác	0,22
Than đá	0,20
Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác	0,19
Kim loại thường khác	0,19
Hàng điện gia dụng và linh kiện	0,16
Phân bón các loại	0,15
Thuốc trừ sâu và nguyên liệu	0,15

Về số thu thuế nhập khẩu theo form ACFTA, số thu của Việt Nam giai đoạn 2018 - 2021 đạt mức trung bình khoảng 2.200 tỷ VND. Trong đó, năm 2019 ghi nhận thu nhập khẩu đạt 2.255 tỷ VND, tăng 27% so với năm 2018 (1.770 tỷ VND) và thấp hơn 13% so với năm 2021 (2.500 tỷ VND). Do ảnh hưởng của dịch bệnh, số thu năm 2020 (2.090 tỷ VND) giảm 8% so với 2019 nhưng nhanh chóng phục hồi vào năm 2021. Năm 2020 là năm cuối lộ trình cắt giảm thuế nhập khẩu theo ACFTA, tuy nhiên nhờ có sự tăng trưởng trong kim ngạch nhập khẩu, số thu ngân sách tiếp tục tăng trong năm 2021.

Bảng 3: Một số mặt hàng chính tăng/giảm thu từ Trung Quốc (tỷ VND)

Nhóm mặt hàng tăng thu	Thu NK 2018	Thu NK 2021	Tăng thu
Hàng điện gia dụng và linh kiện	0,71	425,21	424,50
Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác	0,00	204,46	204,46

Phân bón các loại	0,00	168,92	168,92
Sản phẩm gốm, sứ	0,00	111,53	111,53
Ô tô nguyên chiếc các loại	0,00	108,85	108,85
Hàng điện gia dụng và linh kiện	0,02	71,80	71,78
Hàng hóa khác	0,00	67,51	67,51
Phương tiện vận tải khác và phụ tùng	8,16	73,45	65,29
Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác	0,00	63,33	63,33

Nhóm mặt hàng giảm thu	Thu NK 2020	Thu NK 2021	Giảm thu
Xe máy nguyên chiếc	44.07	-	-44.07
Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	45.61	-	-45.61
Hàng điện gia dụng và linh kiện	50.91	-	-50.91
Linh kiện, phụ tùng xe máy	58.6	-	-58.6
Hàng điện gia dụng và linh kiện	64.94	0.05	-64.89
Sản phẩm gốm, sứ	79.37	0.41	-78.96
Linh kiện, phụ tùng ô tô	93.55	-	-93.55
Hàng điện gia dụng và linh kiện	106.55	-	-106.55
Hàng điện gia dụng và linh kiện	116.02	-	-116.02

Quá trình thực hiện Nghị định 153/NĐ-CP ngày 27/12/2017 không nảy sinh các vấn đề, bất cập. Việc ban hành Nghị định biểu thuế cho giai đoạn tiếp theo cần kế thừa các nội dung đã thể hiện được giá trị thực tế trong thực thi cam kết.

3. Đánh giá tác động của điều chỉnh biểu thuế

- Biểu thuế được xây dựng trên cơ sở bám sát cam kết tại Hiệp định nên về cơ bản thuế suất không thay đổi so với lộ trình đã cam kết. Do tác động của việc nhập dòng thuế, nguyên tắc tuân thủ các Hướng dẫn chuyển đổi của các Ủy ban thực thi Hiệp định, một số dòng thuế sau khi nhập dòng có mức thuế suất thấp hơn so với Nghị định số 153/2017/NĐ-CP, đồng thời việc phân mã và mô tả hàng hoá theo AHTN 2022 đòi hỏi chi tiết hoá thêm một số dòng thuế ở cấp độ trên 8 số để bảo lưu cam kết gốc của Việt Nam tại các Hiệp định.

- Về cơ bản, phần lớn các mã hàng trong Biểu thuế không thay đổi so với Biểu thuế theo Nghị định số 153/2017/NĐ-CP hiện hành. Như vậy, việc ban hành Nghị định không phát sinh tác động đến việc thực thi các cam kết trong

khuôn khổ Hiệp định ACFTA đồng thời đảm bảo tính ổn định của biểu thuế ưu đãi đặc biệt.

Do thay đổi Danh mục từ AHTN 2017 sang AHTN 2022, biểu thuế bao gồm 42 dòng hàng ảnh hưởng bởi việc thay đổi mã hàng, tách gộp dòng. Đối với những dòng hàng này, Bộ Tài chính đã xây dựng thuế suất theo nguyên tắc không làm xói mòn cam kết quốc tế.

Các nhóm hàng chính có sự thay đổi thuế suất khi chuyển đổi Biểu thuế ACFTA theo AHTN 2017 là: Các nhóm hàng chính có sự thay đổi thuế suất khi chuyển đổi Biểu thuế ACFTA theo AHTN 2017 là: Thủy sản (Chương 3), Cây và các bộ phận của cây (Chương 12), Chế phẩm thực phẩm (Chương 16), Hóa chất (Chương 38), Cao su (Chương 40), Giấy các loại (Chương 48), Vải các loại (Chương 60), Sản phẩm dệt, may (Chương 61, 62), Sản phẩm từ sắt, thép (Chương 73), Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác (Chương 84,85), Hàng hóa khác (Chương 96).

Trong đó, các nhóm hàng chính thực hiện tách dòng 10 số khi chuyển đổi Biểu thuế ACFTA theo AHTN 2022 là: Thủy sản (Nhóm 0307), cây và các bộ phận của cây (Nhóm 1211), chế phẩm động vật, côn trùng (Nhóm 1604), Hóa chất (Nhóm 3808), Cao su (Nhóm 4011), Sản phẩm từ sắt, thép (Nhóm 7306), Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác (Nhóm 8539).

- Kim ngạch nhập khẩu của các nhóm hàng này là 0,7 tỷ USD (chiếm 2% tổng nhập khẩu từ Trung Quốc năm 2021). Mức thuế suất từ 0% đến 50%.

- Theo cam kết trong Hiệp định ACFTA, đến năm cuối lộ trình 2020, 85.4% số dòng thuế trong biểu thuế thuộc danh mục thông thường của Việt Nam đạt mức 0%. Theo lộ trình cắt giảm thuế quan ASEAN – Trung Quốc, mức thuế suất bình quân (tính các dòng có thuế suất) cho giai đoạn 2023 – 2027 tính trên tổng biểu thuế Nghị định ban hành vào khoảng 3,05%.

- Theo đánh giá của Bộ Tài chính, Việt Nam đã hoàn thành nghĩa vụ cắt giảm thuế theo lộ trình cam kết theo ACFTA từ năm 2020, do đó thuế suất cam kết cho giai đoạn 2023 - 2027 không thay đổi qua các năm. Nếu giả định tỉ lệ tăng trưởng kim ngạch nhập khẩu của Việt Nam trong khuôn khổ Hiệp định ACFTA giai đoạn tiếp theo là tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2018-2021 (tương đương với tăng 15,7%/năm); Tỷ lệ sử dụng Giấy chứng nhận xuất xứ (C/O) là 13,4% theo tỷ lệ trung bình thực tế đạt được cho giai đoạn 2018-2021 thì tổng thu từ thuế nhập khẩu của Việt Nam của những nhóm hàng chịu tác động điều chỉnh sẽ tăng/giảm không đáng kể.
